

BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

Câu 1: Pháp luật được hình thành trên cơ sở các:

- A. Quan điểm chính trị
- B. Chuẩn mực đạo đức
- C. Quan hệ kinh tế - XH
- D. Quan hệ chính trị - XH

Câu 2: Lịch sử xã hội loài người đã tồn tại..... kiểu nhà nước, bao gồm các kiểu nhà nước là.....

- A. 4 – chủ nô – phong kiến – tư hữu – XHCN
- B. 4 – phong kiến - chủ nô – tư sản – XHCN
- C. 4 – chiếm hữu nô lệ – phong kiến – tư bản - XHCN
- D. 4 – địa chủ – nông nô, phong kiến - tư bản - XHCN

Câu 3: Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ

- A. Pháp luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp.
- B. Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị.
- C. Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ giai cấp.
- D. Cả a, b, c.

Câu 4: Đặc điểm của pháp luật là:

- A. PL thể hiện ý chí của giai cấp thống trị.
- B. PL là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung.
- C. PL do Nhà nước đặt ra và bảo vệ.
- D. Tất cả những câu trên.

Câu 5: Pháp luật XHCN mang bản chất của giai cấp:

- A. Nhân dân lao động
- B. Giai cấp cầm quyền
- C. Giai cấp tiên bộ
- D. Giai cấp công nhân.

Câu 6: Pháp luật do nhà nước ta ban hành thể hiện ý chí, nhu cầu lợi ích của

- A. Giai cấp công nhân
- B. Đa số nhân dân lao động
- C. Giai cấp vô sản
- D. Đảng công sản Việt Nam

Câu 7: Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý:

- A. Quản lý XH
- B. Quản lý công dân
- C. Bảo vệ giai cấp
- D. Bảo vệ các công dân.

Câu 8: Phương pháp quản lý XH một cách dân chủ và hiệu quả nhất là quản lý bằng:

- A. Giáo dục
- B. Đạo đức
- C. Pháp luật
- D. Kế hoạch

Câu 9: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ:

- A. Lợi ích kinh tế của mình
- B. Các quyền của mình

C. Quyền và nghĩa vụ của mình **D. Quyền và lợi ích hợp pháp của mình.**

Câu 10: Không có pháp luật XH sẽ không:

- A. Dân chủ và hạnh phúc **B. Trật tự và ổn định**
C. Hòa bình và dân chủ D. Sức mạnh và quyền lực

Câu 11. Văn bản luật bao gồm:

- A. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của QH** B. Luật, Bộ luật
C. Hiến pháp, Luật, Bộ luật **D. Hiến pháp, Luật**

Câu 12: Pháp luật là:

- A. Hệ thống các văn bản và nghị định do các cấp ban hành và thực hiện.
B. Những luật và điều luật cụ thể trong thực tế đời sống.
C. Hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.
D. Hệ thống các quy tắc xử sự được hình thành theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Câu 13: Pháp luật có đặc điểm là:

- A. Bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội.
B. Vì sự phát triển của xã hội.
C. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến; mang tính quyền lực, bắt buộc chung; có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
D. Mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội.

Câu 14: Điền vào chỗ trống: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành mà nhà nước là đại diện.

- A. phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền**
B. phù hợp với ý chí nguyện vọng của nhân dân
C. phù hợp với các quy phạm đạo đức
D. phù hợp với mọi tầng lớp nhân dân

Câu 15: Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở:

- A. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.
B. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
C. Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.
D. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

Câu 16: Nhà nước là:

- A. Một tổ chức xã hội có giai cấp.
- B. Một tổ chức xã hội có chủ quyền quốc gia.
- C. Một tổ chức xã hội có luật lệ
- D. Cả a, b, c.**

Câu 17: “**Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính....., do ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện..... của giai cấp thống trị và phụ thuộc vào các điều kiện....., là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội**”

- A. Bắt buộc – quốc hội – ý chí – chính trị
- B. Bắt buộc chung – nhà nước – lý tưởng – chính trị
- C. Bắt buộc – quốc hội – lý tưởng – kinh tế xã hội
- D. Bắt buộc chung – nhà nước – ý chí – kinh tế xã hội**

Câu 18: Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

- A. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.
- B. Quy định các hành vi không được làm.
- C. Quy định các bổn phận của công dân.
- D. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm)**

Câu 19: Trong các văn bản quy phạm pháp luật sau, văn bản nào có hiệu lực pháp lí cao nhất?

- A. Hiến pháp**
- B. Nghị quyết
- C. Pháp lệnh
- D. Luật



Pháp luật và đạo đức đều tập trung vào việc điều chỉnh để hướng tới các giá trị.....(20). Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của PL(21) so với phạm vi điều chỉnh của đạo đức, vì thế có thể coi nó là “đạo đức tối thiểu”. Phạm vi điều chỉnh của đạo đức.....(22) so với điều chỉnh của PL, vươn ra ngoài phạm vi điều chỉnh của PL vì thế có thể coi nó là “pháp luật tối đa”

Câu 20:

- A. Xã hội giống nhau** B. Đạo đức giống nhau
- C. Chính trị giống nhau D. Hành vi giống nhau

Câu 21:

- A. Rộng hơn **B. Hẹp hơn** C. Lớn hơn D. Bé hơn

Câu 22:

- A. Rộng hơn** B. Hẹp hơn C. Lớn hơn D. Bé hơn

Câu 23: Trong hàng loạt quy phạm PL luôn thể hiện các quan niệm về.....có tính chất phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ XH

- A. Đạo đức B. Giáo dục C. Khoa học D. Văn hóa

Câu 24: Pháp lệnh do cơ quan nào ban hành?

- A. UBTV Quốc hội B. Chính phủ
C. Quốc hội D. Thủ tướng chính phủ

Câu 25: Một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với quy phạm đạo đức là:

- A. Pháp luật có tính quyền lực, bắt buộc chung.
B. Pháp luật có tính quyền lực.
C. Pháp luật có tính bắt buộc chung.
D. Pháp luật có tính quy phạm.

Câu 26: Tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật là:

- A. Chính phủ.
B. Quốc hội.
C. Các cơ quan nhà nước.
D. Nhà nước.

Trên đây chỉ là phần trích dẫn 10 trang đầu của tài liệu và có thể hiển thị lỗi font, bạn muốn xem đầy đủ tài liệu gốc thì ấn vào nút Tải về phía dưới.

